

Bản án số: 10/2020/DSPT

Ngày: 25/11/2020

V/v “Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Phạm Tổ Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T; cư trú tại: Đội 5, khu vực Chánh Thạnh, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; cư trú tại: số nhà 238 đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lâm Bích Kh (có mặt)

2. Cháu Lâm Khánh S (vắng mặt)

Đều cư trú tại: số nhà 238 đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Chị Đặng Thị Thùy Tr (có mặt)

4. Ông Phạm Văn A (có mặt)

5. Cháu Phạm Văn S1

6. Cháu Phạm Văn M

Đều cư trú tại: Đội 5, khu vực Ch, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của cháu S1 và cháu M: Ông Phạm Văn A (có mặt).

7. Anh Dương Minh Ng; cư trú tại: số nhà 242/4 đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thị Ánh L; cư trú tại: số nhà 242/2 đường Ngô Văn S, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

9. Bà Hồ Thị A1; cư trú tại: số nhà 51/3 đường Bùi Thị X, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

10. Chị Nguyễn Thị H; cư trú tại: số nhà 270 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T – nguyên đơn; Chị Nguyễn Thị H – bị đơn; Anh Lâm Bích Kh – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Trong năm 2018 chị cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh vay tiền 05 lần, cụ thể như sau:

Ngày 21/6/2018, vợ chồng chị H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 25/6/2018, chị H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 30/6/2018, vợ chồng chị H vay 15.000.000 đồng;

Ngày 17/7/2018, vợ chồng chị H vay 15.000.000 đồng.

Cả 04 lần vay đều có viết giấy, thời hạn trả nợ 50 ngày, lãi suất thỏa thuận sau khi ghi giấy nợ là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Ngày 15/11/2018, vợ chồng chị H vay 120.000.000 đồng, vay không thời hạn, có thỏa thuận miệng chỉ vay thời gian ngắn để đáo hạn ngân hàng sẽ trả hết số tiền trên.

Tất cả các lần giao dịch trên đều là ngày âm lịch.

Tổng số nợ của 05 lần vay là 175.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay chị Hòa mới trả được 1.300.000 đồng, chị không nhớ cụ thể ngày chị H trả tiền.

Chị yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho chị 173.700.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/12/2018 âm lịch đến ngày xét xử.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 21/6/2018, vợ chồng chị vay của chị Nguyễn Thị Thanh T 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn 50 ngày. Số tiền thực tế vay 7.000.000 đồng còn 3.000.000 đồng là tiền lãi. Do thời điểm này, chị T hứa làm

giúp chị hồ sơ vay tín chấp nên hai bên thỏa thuận chị giao cho chị T 2.000.000 đồng để làm giấy tờ vay, chị T đã cầm trừ nên chỉ giao cho chị 5.000.000 đồng.

Ngày 25/6/2018, chị vay hộ cho cháu Dương Minh Ng (cháu gọi chị là dì ruột) 10.000.000 đồng nhưng thực chất chỉ nhận 7.000.000 đồng còn 3.000.000 đồng là lãi. Cháu Ng trực tiếp nhận tiền và ghi số điện thoại phía dưới tờ giấy mượn tiền để chị T liên lạc với cháu Ng. Hình thức trả góp trong thời hạn 50 ngày mỗi ngày 200.000 đồng. Khoản vay này cháu Ng đã trả xong.

Ngày 30/6/2018, vay 10.500.000 đồng nhưng khi viết giấy mượn 15.000.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền lãi vay là 4.500.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng.

Ngày 17/7/2018, vay 14.000.000 đồng nhưng khi viết giấy ghi mượn 20.000.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền lãi vay 6.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng.

Tổng cộng 04 lần vay theo giấy mượn tiền là 55.000.000 đồng nhưng thực tế tiền vay gốc chỉ có 38.500.000 đồng. Riêng khoản tiền vay hộ cho cháu Nguyên, cháu Ng đã trả xong nên vợ chồng chị chỉ còn nợ 19.800.000 đồng.

Chị không nhớ cụ thể nhưng do 03 ngày chị không trả tiền góp nên chị T gọi chị đến nhà, chị có ghi âm thể hiện số tiền gốc và lãi còn nợ. Sau đó chị tiếp tục trả góp ngày. Ngày 15/11/2018 âm lịch, chị T lại gọi chị qua nhà để đổi chiếu chót sổ, chị T và một số người nữa đã hăm dọa buộc chị phải viết giấy nợ 120.000.000 đồng. Chồng chị là anh Lâm Bích Kh đến sau thấy chị bị bệnh nên anh Kh ký vào giấy mà không đọc nội dung sau đó mỗi ngày vợ chồng chị trả góp cho chị T 400.000 đồng, đã trả 04 tháng với số tiền 48.000.000 đồng thì không trả nữa. Chị không đồng ý trả cho chị T 173.700.000 đồng và trả tiền lãi vì số tiền mà vợ chồng chị đã trả vượt quá số tiền vay trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lâm Bích Kh trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị H. Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị H.

- Cháu Lâm Khánh S trình bày: Cháu là con của chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Bích Kh. Ba mẹ cháu có đưa tiền cho cháu đi trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T nhiều lần, cũng có lần cháu đi cùng với ba cháu thấy ba đưa tiền cho chị T, có lần chị Đặng Thị Thùy Tr qua nhà thì cháu đưa tiền cho chị Tr và chị Tr ký vào sổ theo dõi của mẹ cháu. Tất cả các lần trả nợ cháu không nhớ thời gian cụ thể.

- Chị Đặng Thị Thùy Tr trình bày: Chị là con dâu của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị không nhớ thời gian cụ thể, chị đã nhận tiền từ gia đình chị Nguyễn Thị H 02 lần: một lần là 500.000 đồng và một lần là 800.000 đồng. Toàn bộ số tiền này chị đã giao cho mẹ chồng. Ngày nhận tiền chị ghi trong sổ của chị H là ngày âm lịch.

- Anh Dương Minh Ng trình bày: Chị Nguyễn Thị H là dì ruột của anh. Chị H có vay hộ anh 7.000.000 đồng nhưng giấy mượn tiền là do chị H ký ghi

là 10.000.000 đồng bao gồm tiền lãi, hình thức trả góp. Anh trực tiếp nhận tiền và ghi số điện thoại của anh phía dưới tờ giấy mượn tiền để chị T liên lạc. Số tiền này anh đã trả góp xong. Anh không còn nợ chị T nữa.

- Chị Nguyễn Thị Ánh L trình bày: Chị Nguyễn Thị H là dì ruột của chị. Trước đây chị H có nhờ chị đi trả tiền vay góp cho chị T nhưng thời gian trả, số tiền trả và số lần trả chị không nhớ vì thời gian đã lâu. Chị xác nhận chị không ký sổ mà chỉ do gia đình chị T theo dõi ghi cán trừ.

- Anh Phạm Văn A trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị Thanh T. Số tiền chị T cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H vay là tài sản riêng của chị T nên anh không có tranh chấp gì.

Bản án số 64/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh phải trả cho chị T 161.381.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/9/2020, chị Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh phải trả cho chị 173.700.000 đồng nợ gốc và phải trả lãi 1,5%/tháng kể từ ngày viết giấy nợ cho đến nay.

Ngày 28/9/2020, chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh kháng cáo không đồng ý trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh T vì vợ chồng chị đã trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh T cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh vay tổng số tiền 175.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 21/6/2018, vợ chồng chị H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 25/6/2018, chị H vay 10.000.000 đồng;

Ngày 30/6/2018, vợ chồng chị H vay 15.000.000 đồng;

Ngày 17/7/2018, vợ chồng chị H vay 15.000.000 đồng;

Cả 04 lần vay trên đều có viết giấy, thời hạn trả nợ 50 ngày, lãi suất thỏa thuận sau khi ghi giấy nợ là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Ngày 15/11/2018, vợ chồng chị H vay 120.000.000 đồng, vay không thời hạn, có thỏa thuận miệng chỉ vay thời gian ngắn để đáo hạn ngân hàng sẽ trả hết số tiền trên.

Từ khi vay đến nay chị H mới trả được 1.300.000 đồng còn nợ 173.700.000 đồng. Chị T yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho chị 173.700.000

đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/12/2018 âm lịch đến ngày xét xử.

Chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh không đồng ý trả cho chị T 173.700.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật vì vợ chồng chị đã trả hết nợ và trả vượt quá số tiền nợ, cụ thể như sau:

Ngày 21/6/2018, vợ chồng chị vay của chị T 10.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn 50 ngày. Số tiền thực tế vay 7.000.000 đồng do thời điểm này chị T hứa làm hồ sơ vay tín chấp giúp chị nên hai bên thỏa thuận chị giao cho chị T 2.000.000 đồng để làm giấy tờ vay, chị T đã cầm trả nên chỉ giao cho chị 5.000.000 đồng.

Ngày 25/6/2018, chị vay hộ cho cháu Dương Minh N (cháu gọi chị là dì ruột) 10.000.000 đồng nhưng thực chất chỉ nhận 7.000.000 đồng. Cháu Ng trực tiếp nhận tiền và ghi số điện thoại phía dưới tờ giấy mượn tiền để chị T liên lạc với cháu Ng. Hình thức trả góp trong thời hạn 50 ngày mỗi ngày 200.000 đồng. Khoản vay này cháu Ng đã trả xong.

Ngày 30/6/2018, vay 10.500.000 đồng nhưng khi viết giấy mượn 15.000.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền lãi vay, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng.

Ngày 17/7/2018, vay 14.000.000 đồng nhưng khi viết giấy ghi mượn 20.000.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền lãi vay, trả góp trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng.

Tổng cộng 04 lần vay theo giấy mượn tiền là 55.000.000 đồng điều này cũng phù hợp với lời khai của chị T. Tuy nhiên, chị H cho rằng số tiền 55.000.000 đồng là trên giấy nợ nhưng thực tế tiền vay chỉ có 38.500.000 đồng. Riêng khoản tiền vay hộ cho cháu Ng, cháu Ng đã trả xong nên vợ chồng chị chỉ còn nợ 19.800.000 đồng. Chị T không công nhận lời khai của chị H mà cho rằng số tiền của 04 giấy nợ là 55.000.000 đồng, chị H chưa trả. Chị H xuất trình chứng cứ là đoạn ghi âm trong USB vào ngày 15/9/2018 (dương lịch) đã được cấp sơ thẩm kiểm tra tại Biên bản đối chất lời thoại ghi âm ngày 17/7/2020, chị T công nhận giọng nói trong ghi âm là của chị, nội dung như sau: “...nó mới tính ngày nay mười chín triệu tám trăm ngàn, mà có sổ sách qua cộng. Bây giờ mà nộp bao nhiêu qua đây tính. Mà mượn tổng cộng 55 triệu có sổ sách. Nó nói phần mà ngày nay mà nộp là mười chín triệu tám trăm ngàn, mà lượm thằng kia hai trăm chưa tính, mà đem tiền qua đây tính luôn... mà muốn quây phải không? Bây giờ tổng cộng 55 triệu, photo báo công an, nếu không nộp bữa nay mà ra công an 55 triệu, ra tòa án 55 triệu”. Trong đoạn ghi âm chị T nói: “mà lượm cho thằng kia” theo chị H là khoản vay ngày 25/6/2018 chị vay hộ cho cháu Ng còn chị T thừa nhận chị có cho anh Ng cháu chị H vay tiền nhưng anh Ng đã bán cây lộc vừng trả xong không liên quan đến khoản vay 10.000.000 đồng ngày 25/6/2018 của chị H nhưng việc chị T cho anh Ng vay bao nhiêu tiền, vay thời gian nào chị T không chứng minh được; lời khai của anh Dương Minh Ng khẳng định anh đã trả hết nợ cho chị T đối với

khoản tiền mà anh nhờ chị H vay hộ do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản vay 10.000.000 đồng vào ngày 25/6/2018 của chị H đã trả xong là có căn cứ.

Chị T cho rằng số tiền 19.800.000 đồng trong ghi âm không liên quan đến số tiền 04 lần vay trước, tiền này là tiền chị hốt hụi cho chị H vay sau này được cộng tính vào khoản tiền vay sau đó nhưng chị H không công nhận chị H khẳng định khoản vay 55.000.000 đồng của 04 giấy nợ, chị đã trả góp đến thời điểm ghi âm chỉ còn lại 19.800.000 đồng.

Ngày 10/8/2018 âm lịch (tức ngày 19/9/2018 dương lịch) chị H trả cho chị Đặng Thị Thùy Tr (con dâu của chị T) 500.000 đồng, chị Tr viết giấy với nội dung “Tr nhận 500.000 đ” và ngày 18/8/2018 âm lịch (tức ngày 27/9/2018 dương lịch) chị Tr viết giấy với nội dung “Tr nhận 800.000 đ”. Chị Tr thừa nhận chị có nhận 02 lần với tổng số tiền 1.300.000 đồng sau đó chị đã giao cho mẹ chồng là chị T. Số tiền này chị Tr nhận sau khi ghi âm nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng chị H còn nợ của chị T 18.500.000 đồng (19.800.000 đồng – 1.300.000 đồng) của khoản vay 55.000.000 đồng nêu trên là có căn cứ.

Đối với Giấy mượn tiền có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Thị H... cùng chồng Lâm Bích Kh có mượn tiền chị Nguyễn Thị Thanh T 120.000.000 đồng (một trăm hai chục triệu) từ ngày 15/11/2018 (al), nếu không trả hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”, chị H và anh Kh thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của mình nhưng chị H cho rằng ngày 15/11/2018 âm lịch, chị T lại gọi chị qua nhà để đối chiếu chốt sổ, chị T và một số người nữa đã hăm dọa buộc chị phải viết giấy nợ 120.000.000 đồng. Chồng chị là anh Lâm Bích Kh đến sau thấy chị bị bệnh nên anh Kh ký vào giấy mà không đọc nội dung sau đó mỗi ngày vợ chồng chị trả góp cho chị T 400.000 đồng, đã trả 04 tháng với số tiền 48.000.000 đồng thì không trả nữa. Chị T không thừa nhận lời khai của chị H. Xét lời khai của chị H là không có cơ sở vì sau khi vợ chồng chị ký vào giấy nợ mà chị cho rằng vợ chồng chị bị đe dọa nhưng chị không báo cáo với cơ quan chức năng về việc vợ chồng chị bị ép buộc mà theo chị sau đó vợ chồng chị vẫn trả góp cho chị T trong thời gian 04 tháng nên tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vợ chồng chị H nợ của chị T 120.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 15/11/2018 âm lịch là có căn cứ.

Như vậy, tổng số tiền của 05 lần vay mà vợ chồng chị H còn nợ của chị T là 138.500.000 đồng do đó yêu cầu kháng cáo của chị T đòi vợ chồng chị H, anh Kh phải trả cho chị 173.700.000 đồng (nợ gốc) không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo của chị H anh Kh cho rằng không còn nợ của chị T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu vợ chồng chị H, anh Kh phải trả lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày viết giấy nợ cho đến nay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả 05 giấy nợ mà chị T xuất trình đều không ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu nhưng chị T và chị H đều thống nhất rằng các bên đều có thỏa thuận về lãi suất nhưng không thống nhất với nhau về mức lãi suất do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi suất là 10%/năm là có căn cứ,

đúng với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của chị T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Nguyễn Thị Thanh T và vợ chồng anh Lâm Bích Kh chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị H anh Lâm Bích Kh; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 463, 468, 469 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị H anh Lâm Bích Kh; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T 161.381.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu ba trăm tám một nghìn đồng) trong đó: tiền vay gốc là 138.500.000 đồng; tiền lãi là 22.881.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

2.1 Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001355 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

2.2 Chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích Kh phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001359 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh